

Số: **320**/BC-SNN

Tuyên Quang, ngày **24** tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác tháng 02/2017 và nhiệm vụ công tác tháng 03/2017.

Thực hiện Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 và Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 về việc ban hành quy định về một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017. Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện công tác tháng 02 và nhiệm vụ công tác tháng 03/2017, như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác tháng 02/2017

1. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

Xây dựng Kế hoạch thực chương trình công tác và các việc trọng tâm của Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2017 giao nhiệm vụ cho các đơn vị thực hiện;

Phối hợp với các Sở, Ngành, UBND các huyện, thành phố tham mưu tổ chức hoàn thành lễ phát động "Tết trồng cây" Xuân Đinh Dậu năm 2017 trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức đón Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017 đảm bảo vui tươi, an toàn, phân công cán bộ trực Tết, đảm bảo liên lạc thông suốt 24/24 giờ trong những ngày nghỉ tết. Tình hình an ninh trật tự trong dịp tết diễn ra an toàn, cán bộ trong toàn sở đều nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của nhà nước, không có người vi phạm luật giao thông đường bộ khi tham gia giao thông; ngay sau khi kết thúc thời gian nghỉ tết 100% cán bộ, công chức, viên chức người lao động trong các đơn vị đã đến cơ quan làm việc theo quy định.

2. Về sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản; tái cơ cấu các lĩnh vực gắn với phát triển sản xuất hàng hóa

2.1. Về trồng trọt và Bảo vệ thực vật, công tác đảm bảo sản xuất

Ngay từ đầu vụ xuân, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo các tổ công tác của Sở phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra, đôn đốc việc cung ứng giống, vật tư nông lâm nghiệp phục vụ sản xuất đảm bảo về số lượng và chất lượng gieo trồng đủ diện tích lúa theo kế hoạch; hướng dẫn nhân dân thu hoạch nhanh, gọn cây trồng vụ đông và tiến hành làm đất chuẩn bị cho gieo trồng vụ Xuân trong khung thời vụ tốt nhất.

- Tiến độ sản xuất đến ngày 20/2/2016: Toàn tỉnh đã cấy lúa được 19.593/19.026ha, đạt 103% KH, bằng 132,38% so với thực hiện cùng kỳ năm 2016;

+ Diện tích gieo trồng ngô 4.880,4 ha/7445, đạt 65,6% kế hoạch, gấp 2,7 lần so với thực hiện cùng kỳ năm 2016; cây lạc đã trồng 3.065,6ha/3.162 ha đạt 97% KH, bằng 138,8% so với thực hiện cùng kỳ năm 2016; Cây đậu tương 100,8 ha đạt 34,8%KH.

+ Cây mía: Đã thu hoạch niên vụ 2016-2017 được 5.683 ha/11.256,8 ha đạt 50%; sản lượng 307.640,4 tấn. Diện tích trồng mới, trồng lại năm 2017 được 700,3/2826 ha đạt 24,78% KH. Nhìn chung các cây trồng vụ xuân đang sinh trưởng, phát triển tốt.

2.2. Về Chăn nuôi, thú y, thủy sản

Tham mưu xây dựng Đề án hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2017-2020 trình UBND tỉnh phê duyệt; Xây dựng kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm năm 2017. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn công tác phòng, chống dịch bệnh, đói rét cho đàn gia súc, gia cầm; các hộ chăn nuôi đã chủ động vệ sinh sạch sẽ kết hợp tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi gia súc, gia cầm và khu vực xung quanh; chế biến, dự trữ đủ thức ăn cho đàn gia súc. Do vậy, trong tháng tình hình chăn nuôi của tỉnh ổn định, không có dịch bệnh gia súc, gia cầm xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện công tác phòng chống rét cho cá vụ Đông, quản lý, chăm sóc đàn cá giống bố mẹ, chuẩn bị sản xuất giống cho vụ Xuân năm 2017.

2.3. Về Lâm nghiệp

Chỉ đạo các đơn vị trồng rừng trên địa bàn tỉnh tập trung lực lượng khẩn trương thực hiện các công việc chuẩn bị cho kế hoạch trồng rừng như: Thiết kế kỹ thuật, xử lý thực bì, cuốc hố, tiếp tục sản xuất và chăm sóc cây giống trồng rừng để khi thời tiết thuận lợi có thể tiến hành trồng rừng trong khung thời vụ tốt nhất. Đến ngày 20/2/2017, toàn tỉnh đã sản xuất được 9,48 triệu cây giống trồng rừng các loại, đáp ứng 49,4% nhu cầu cây giống trồng rừng tập trung năm 2017; tổ chức trồng rừng được 164,6 ha, đạt 1,4%KH (*trong đó trồng rừng tập trung được 51,5ha; trồng cây phân tán quy diện tích 113,1ha*), bằng 94,6% so với thực hiện cùng kỳ năm 2016; khai thác 61.618,6m³ gỗ rừng trồng, đạt 7,3%KH, bằng 54% so cùng kỳ năm 2016.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng: Lực lượng kiểm lâm các cấp đồng loạt ra quân, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, kiểm soát tại các khu rừng trọng điểm, các tuyến giao thông quan trọng; duy trì hoạt động có hiệu quả các tổ công tác liên ngành từ tỉnh đến cơ sở đặc biệt vào dịp trước, trong và sau Tết nguyên đán; trong tháng đã kiểm tra, phát hiện và xử lý 38 vụ vi phạm (*trong đó: Xử phạt hành chính 37 vụ, xử lý hình sự 01 vụ*), giảm 22 vụ so tháng 01/2017.

(có biểu chi tiết kèm theo)

3. Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai nhân rộng những mô hình hiệu quả thực hiện ngay trong vụ xuân năm 2017. Tiếp tục phối hợp, theo dõi thực hiện các đề tài, dự án khoa học thuộc lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất

Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố tuyên truyền và xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản. Tổng hợp kế hoạch kinh phí hỗ trợ HTX năm 2017 theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND gửi Sở Tài chính thẩm định, với tổng số kinh phí kế hoạch đề nghị hỗ trợ trong năm 2017 là: 7.048,92 triệu đồng.

Tiếp tục thực hiện dự án “Xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới liên kết với doanh nghiệp, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm” trên địa bàn xã Hồng Thái, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang”.

5. Xây dựng, quảng bá, bảo vệ thương hiệu, xúc tiến thương mại, quản lý chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm

Phối hợp với Trung tâm xúc tiến thương mại nông nghiệp Hà Nội giới thiệu và kết nối tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa nông sản trên địa bàn tỉnh đến các doanh nghiệp, siêu thị, cửa hàng thực phẩm sạch trên địa bàn thành phố Hà Nội. Kết quả thực hiện đến tháng 02/2017: Cam sành Hàm Yên 203,5 tấn (*trong đó có 3,5 tấn cam VietGAP*), 12 tấn miến dong Hợp Thành, 900 lít Rượu ngô Na Hang, 973 chai Mật ong Tuyên Quang và 285 hộp phấn hoa.

Hoàn thiện hồ sơ xác nhận sản phẩm an toàn cho sản phẩm Rau an toàn Hồng Thái, xã Hồng Thái, huyện Na Hang. Hoàn thành đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho 02 sản phẩm: Chè Tân Thái Dương 168, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên và rau an toàn Hồng Thái, xã Hồng Thái, huyện Na Hang (*đã nộp hồ sơ đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ*). Hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho 02 sản phẩm: Gạo đặc sản Minh Hương, xã Minh Hương, huyện Hàm Yên và Măng khô xã Tân Long, huyện Yên Sơn.

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh và thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện công tác quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2017; tổ chức kiểm tra, giám sát được 32 cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản (*phát hiện 01 cơ sở vi phạm đã hoàn thiện hồ sơ xử phạt theo quy định*), Xây dựng, trình UBND tỉnh Kế hoạch Năm cao điểm hành động vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phát sóng 01 phóng sự quảng bá, giới thiệu sản phẩm an toàn theo chuỗi cung ứng được xác nhận.

6. Thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn

Tiếp tục đôn đốc thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi và chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh, tạo nguồn vốn cho nhiều hộ dân phát triển sản xuất. Đến nay, Ngân hàng đã giải ngân cho vay được 225,93 tỷ đồng cho 2.634 hộ và 273 trang trại để phát triển sản xuất; Ngân sách nhà nước đã hỗ trợ cho hộ gia đình, chủ trang trại được 4.741,82 triệu đồng (*trong đó: Hỗ trợ lãi suất tiền vay 3.744,82 triệu đồng, sản xuất theo VietGAP 897,0 triệu đồng, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm 100 triệu đồng*).

Hướng dẫn Hợp tác xã NLN Phúc Sơn và Minh Quang lập, trình hồ sơ xin phê duyệt chủ chương xây dựng cánh đồng lớn sản xuất lạc giống. Hướng dẫn Công ty cổ phần giống vật tư NLN tỉnh xây dựng Dự án cánh đồng lớn sản xuất giống lúa lai tại Trại sản xuất giống Đồng Thắm, xã An Khang, thành phố Tuyên Quang với diện tích 30 ha và tại thôn An Bình, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa với tổng diện tích là 20 ha.

7. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình phát triển nông thôn

Tiếp tục đôn đốc 06 xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 khẩn trương hoàn thiện các tiêu chí và chuẩn bị tốt Kế hoạch tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới trong quý I/2017. Tham mưu, đề xuất xây dựng kế hoạch rà soát, xác định nhu cầu vốn để thực hiện hoàn thành 19/19 tiêu chí nông thôn mới đối với 07 xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017.

Hoàn thiện, trình UBND tỉnh dự thảo Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2017-2020 và dự thảo Quyết định về việc ban hành "*Một số tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020*".

- Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hóa, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ nhân dân gắn với sân thể thao và khuôn viên trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020. Phối hợp với các ngành, UBND huyện, thành phố tập trung thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh, theo kế hoạch giao năm 2016, kết quả đến ngày 20/02/2017:

+ Về hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương: Đã cung ứng cầu kiện bê tông đúc sẵn được 47.402m/48.430m đạt 97,9% kế hoạch; đã thi công 28.266,5m, đạt 58,4%KH.

+ Về bê tông hóa đường giao thông nội đồng và đường vào khu sản xuất hàng hóa: Đã cung ứng 13.642 tấn xi măng và 711 ống cống, thi công hoàn thành 66,57 km, đạt 97% KH.

+ Về xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao và khuôn viên: Đã cung ứng cầu kiện được 08/122 nhà.

- Về thực hiện Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn

Xây dựng kế hoạch chi tiết các hoạt động thuộc Dự án VIE/035 năm 2017, gửi Ban điều phối Dự án TNSP tỉnh và nhóm thực thi Dự án VIE/035 phê duyệt để triển khai thực hiện; Tổ chức thành công lớp tập huấn về lập kế hoạch công việc và quản lý thời gian cho cán bộ thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT; cán bộ Hội Nông dân, Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện và lãnh đạo một số Tổ hợp tác, HTX đang thực hiện phát triển chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh.

8. Cải cách hành chính, xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh.

Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết công việc theo cơ chế “Một cửa”: Trong tháng 02/2017, đã tiếp nhận và chuyển cho các đơn vị giải quyết: **192 hồ sơ (tiếp nhận mới 184 hồ sơ, 08 hồ sơ tháng 01 chuyển sang)**. Trong đó: Số hồ sơ đã giải quyết: 182 hồ sơ (*giải quyết trước thời hạn từ 1- 7 ngày là 05 hồ sơ*); số hồ sơ đang trong thời gian giải quyết: 10 hồ sơ. Thường xuyên cập nhật đăng tải các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trên trang thông tin điện tử của Sở, tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức tìm hiểu, giám sát và thực hiện.

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp tới cán bộ, công nhân viên chức lao động của Sở.

II. Hạn chế, khó khăn: Giá cả một số mặt hàng nông sản thấp so với cùng kỳ năm trước (rau, lợn hơi...).

Tiến độ thu hoạch mía niên vụ 2016-2017 của Nhà máy đường còn chậm, ảnh hưởng đến giải phóng đất để trồng lại mía ở một số địa bàn huyện Chiêm Hóa, Hàm Yên...

III. Nhiệm vụ, công tác tháng 03 năm 2017

1. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chính sách: Phát triển sản xuất hàng hóa, kinh tế trang trại, khuyến khích phát triển hợp tác xã nông lâm nghiệp-thủy sản; thu hút thực hiện các Dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; bảo vệ và phát triển rừng; hỗ trợ xây dựng kênh mương, đường nội đồng, nhà văn hóa và xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang.

Xây dựng dự thảo Quy định về hỗ trợ trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ và trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020.

2. Đẩy mạnh sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản; tái cơ cấu các lĩnh vực gắn với phát triển sản xuất hàng hóa

2.1. Về trồng trọt và Bảo vệ thực vật, công tác đảm bảo sản xuất

Tập trung chỉ đạo gieo trồng trong khung thời vụ; Phối hợp các huyện, thành phố, đồn điền, vận động nhân dân tổ chức trồng mới, trồng lại mía trên những diện tích đất đã rà soát và tập trung chăm sóc những diện tích mía để lưu gốc. Hướng dẫn, đôn đốc nhân dân tập trung chăm sóc cây trồng vụ đông xuân 2016-2017.

Chỉ đạo, kiểm tra tu sửa, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, phát dọn, nạo vét khơi thông dòng chảy kênh mương; xây dựng và thực hiện phương án phòng, chống hạn, lập kế hoạch quản lý, sử dụng nước tưới tiết kiệm, hiệu quả để đảm bảo đủ nước tưới sản xuất vụ xuân.

2.2. Về chăn nuôi, thú y, thủy sản.

Kiểm tra, hướng dẫn nhân dân chăm sóc tốt đàn vật nuôi để đảm bảo phục hồi sức khỏe nhanh nhất sau mùa đông; theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm; công tác phòng chống đói, rét cho gia súc. Hoàn thiện Quy định một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2017-2020 (*Thực hiện theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020*)

Quản lý tốt việc khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang. Quản lý chất lượng giống thủy sản; nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản có hiệu quả.

2.3. Về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị trồng rừng trên địa bàn phối hợp với UBND cấp xã đẩy nhanh tiến độ rà soát, cân đối, bố trí đủ quỹ đất trồng rừng theo kế hoạch được giao; đồng thời chỉ đạo, điều hành công tác sản xuất, cung ứng cây giống đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu trồng rừng năm 2017; tập trung đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị trồng rừng để khi thời tiết thuận lợi có thể trồng rừng ngay trong khung thời vụ tốt nhất.

Chỉ đạo tổ chức tốt lực lượng trong quản lý bảo vệ rừng để tăng cường tuần tra, kiểm tra, chốt chặn tại các điểm nóng; ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng, không để xảy ra "điểm nóng" về khai thác rừng trái phép; giám sát, quản lý hoạt động của các cơ sở kinh doanh, chế biến gỗ trên địa bàn theo đúng quy định; chủ động lực lượng, phương tiện phòng cháy chữa cháy rừng. Kiểm tra việc thực hiện Quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 26/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình phát triển nông thôn

- *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*: Đề xuất thẩm định, dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2017; triển khai rà soát, xác định nhu cầu vốn để thực hiện hoàn thành 19/19 tiêu chí nông thôn mới đối với 07 xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017; xây dựng kế hoạch thực hiện phong trào thi đua “*Tuyên Quang chung sức xây dựng nông thôn mới*” giai đoạn 2016-2020.

Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án; đẩy nhanh tiến độ thi công Kênh Parabol thành mòng đúc sẵn để hoàn thành khối lượng và giải ngân 100% vốn kế hoạch giao năm 2016, đồng thời triển khai thực hiện kế hoạch năm 2017. Hoàn thiện hồ sơ để bàn giao các dự án đầu tư xây dựng cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang được thành lập theo Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của UBND tỉnh.

- *Về thực hiện dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn*: Tiếp tục xây dựng các kế hoạch chi tiết và triển khai các hoạt động thuộc Dự án VIE/035 năm 2017 khi được phê duyệt. Chuẩn bị hồ sơ, chứng từ để quyết toán các hoạt động thuộc Dự án TNSP và Dự án VIE/035 năm 2016.

4. Cải cách hành chính, xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh

Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính của các đơn vị thuộc Sở. Tiếp tục thực hiện hiện tốt công tác cải cách hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “*Một cửa*”. Tiếp tục áp dụng phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

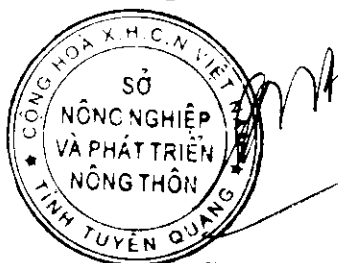
Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp tới cán bộ, công nhân viên chức lao động của Sở.

Sở Nông nghiệp và PTNT trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: *ĐM*

- TT Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh: (Báo cáo);
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Đảng ủy;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT; KH-TC.

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Nông

**TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP NĂM 2017 VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 03/2016/NQ-HĐND
NGÀY 13/7/2016 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Kèm theo báo cáo số 320/BC-SNN ngày 24 tháng 2 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Đương	Yên Sơn	T.phố T.Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
	SẢN XUẤT VỤ XUÂN 2017									
I	TRỒNG TRỌT									
1	Cây lúa									
	Cây lúa: Kế hoạch	ha	19.026,0	4.800,0	4.260,0	960,0	3.293,0	4.050,0	653,0	1.010,0
	Trong đó: Lúa lai	ha	11.930,0	2.700,0	3.000,0	350,0	2.030,0	2.700,0	340,0	810,0
	Lúa thuần	ha	7.096,0	2.100,0	1.260,0	610,0	1.263,0	1.350,0	313,0	200,0
	Diện tích cấy	ha	19.593,6	5.174,0	4.595,0	969,0	3.289,0	3.951,6	605,0	1.010,0
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	<i>%</i>	<i>103,0</i>	<i>107,8</i>	<i>107,9</i>	<i>100,9</i>	<i>99,9</i>	<i>97,6</i>	<i>92,6</i>	<i>100,0</i>
	Trong đó: Lúa lai	ha	10.553,8	2.820,0	3.123,0	335,0	1.347,0	2.504,6	80,0	344,2
	Lúa thuần	ha	9.039,8	2.354,0	1.472,0	634,0	1.942,0	1.447,0	525,0	665,8
	<i>Trong đó Gieo sạ</i>	<i>ha</i>	<i>636,0</i>	<i>175,0</i>	<i>188,0</i>	<i>273,0</i>				
2	Cây ngô kế hoạch	ha	7.445	1.650	1.500	400	1.130	1.080	1.160	525
	- Đã trồng	ha	4.880,4	1.356,0	693,0	402,4	560,0	907,0	474,0	488,0
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	<i>%</i>	<i>65,6</i>	<i>82,2</i>	<i>46,2</i>	<i>100,6</i>	<i>49,6</i>	<i>84,0</i>	<i>40,9</i>	<i>93,0</i>
	Trong đó trên ruộng 1 vụ	ha	1.868,6	499,0	324,0	53,6	213,0	283,0	264,0	232,0
3	Cây lạc kế hoạch	ha	3.162	450	180	37	230	1.900	25	340
	- Đã trồng	ha	3.065,6	436,0	152,0	37,0	153,0	1.902,0	15,6	370,0
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	<i>%</i>	<i>97,0</i>	<i>96,9</i>	<i>84,4</i>	<i>100,0</i>	<i>66,5</i>	<i>100,1</i>	<i>62,4</i>	<i>108,8</i>
	Trong đó trên ruộng 1 vụ	ha	1.863,2	315,0	152,0	26,0	58,0	1.130,0	5,2	177,0
4	Cây đậu tương KH		290,0	100,0	110,0		50,0	30,0		
	- Đã trồng	ha	100,8	26,0	43,0		14,5	17,3		
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	<i>%</i>	<i>34,8</i>	<i>26,0</i>	<i>39,1</i>		<i>29,0</i>	<i>57,7</i>		
	Trên ruộng 1 vụ	ha	88,7	26,0	43,0		7,5	12,2		

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T.phố T.Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
5	Cây khoai lang kế hoạch	ha	460	100	180	20	50	45	35	30
	- Đã trồng	ha	205,2	98,0	61,1		10,5	6,2	8,9	20,5
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	<i>44,6</i>	<i>98,0</i>	<i>33,9</i>	-	<i>21,0</i>	<i>13,8</i>	<i>25,4</i>	<i>68,3</i>
	Trong đó trên ruộng 1 vụ	ha	164,1	82,5	61,1					20,5
6	Cây mía kế hoạch		12.283,3	4.085,3	2.144,9	375,9	1.230,4	4.286,1	72,2	88,5
	Trong đó: Diện tích trồng mới trong năm	ha	1.153,0	450,0	150,0	23,0	180,0	350,0		
	Diện tích trồng lại trong năm	ha	1.673,0	585,0	200,0	62,0	197,0	600,0	13,0	16,0
	Diện tích lưu gốc	ha	9.457,3	3.050,3	1.794,9	290,9	853,4	3.336,1	59,2	72,5
	Thực hiện trồng mới trồng lại	ha	700,3	296,5	75,4	32,7	67,2	221,0	-	7,6
	Diện tích trồng mới	ha	221,0	87,4	31,1	6,8	37,0	56,6		2,1
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	<i>19,2</i>	<i>19,4</i>	<i>20,7</i>	<i>29,3</i>	<i>20,6</i>	<i>16,2</i>		
	Diện tích trồng lại	ha	479,4	209,1	44,3	25,9	30,2	164,4		5,5
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	<i>28,7</i>	<i>35,7</i>	<i>22,2</i>	<i>41,8</i>	<i>15,3</i>	<i>27,4</i>	-	<i>34,4</i>
	Diện tích thu hoạch mía vụ 2016-2017	ha	5.682,9	2.621,6	648,5	210,8	480,7	1.639,7	35,1	46,5
	<i>Đạt % so với diện tích trồng</i>	%	<i>50,5</i>	<i>69,8</i>	<i>32,5</i>	<i>74,4</i>	<i>45,8</i>	<i>41,3</i>	<i>30,8</i>	<i>52,5</i>
	Sản lượng thu hoạch mía	tấn	307.640,4	133.138,7	36.965,9	12.017,0	27.403,0	93.462,3	2.002,9	2.650,7
	<i>Đạt % so với sản lượng dự kiến</i>	%	<i>45,0</i>	<i>67,2</i>	<i>28,0</i>	<i>79,4</i>	<i>43,1</i>	<i>35,3</i>	<i>39,0</i>	<i>63,1</i>
II	LÂM NGHIỆP									
1	Kế hoạch trồng rừng năm 2017	ha	11.750	2.040	3.235	155	2.670	2.300	700	650
a	Trồng rừng tập trung	ha	11.400	2.015	3.155	150	2.600	2.230	650	600
	- Trồng rừng sản xuất	ha	11.150	2.000	3.060	150	2.600	2.230	610	500
	+ Tổ chức	ha	2.340	250	430	30	1.130	500		
	+ Hộ gia đình, cá nhân	ha	8.810	1.750	2.630	120	1.470	1.730	610	500
	- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng	ha	250	15	95				40	100
b	Trồng cây phân tán (Quy diện tích)	ha	350	25	80	5	70	70	50	50
2	Chuẩn bị cây giống trồng rừng									
	Nhu cầu cây giống	1000 cây	19.217,5	3.469,4	5.204,1	365,2	4.382,4	3.240,0	1.460,8	1.095,6
	Số cây đã sản xuất	1000 cây	9.485,0	760,0	1.010,0	2.800,0	1.910,0	2.595,0	410,0	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T. phố T.Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
	<i>Số cây SX đạt so với nhu cầu</i>	%	49,4	21,9	19,4	766,7	43,6	80,1	28,1	-
3	Kết quả trồng rừng	ha	168,3	12,0	20,5	9,3	33,5	65,2	1,0	26,9
	<i>Đạt % so kế hoạch</i>	%	1,4	0,6	0,6	6,0	1,3	2,8	0,1	4,1
a	Trồng rừng tập trung	ha	54,6	-	3,1	6,8	14,8	23,8	-	6,1
	- Trồng rừng sản xuất	ha	54,6	-	3,1	6,8	14,8	23,8	-	6,1
	+ Tổ chức	ha	4,7	-	1,6	3,1	-	-	-	-
	+ Hộ gia đình, cá nhân	ha	49,9	-	1,5	3,7	14,8	23,8	-	6,1
	- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng	ha	-							
b	Trồng cây phân tán (Quy diện tích)	ha	113,7	12,0	17,4	2,5	18,7	41,4	1,0	20,8
4	Khai thác gỗ rừng trồng năm 2017									
4.1	Kế hoạch									
a	Gỗ rừng trồng									
	- Diện tích	ha	9.750	2.000	2.800	150	2.600	1.500	400	300
	- Sản lượng gỗ	m3	844.200	180.000	256.000	16.200	215.800	127.300	28.250	20.650
	Trong đó: + Doanh nghiệp	m3	164.850	25.000	27.000	3.000	84.850	25.000		
	+ Cá nhân, hộ gia đình	m3	679.350	155.000	229.000	13.200	130.950	102.300	28.250	20.650
b	Tre, nứa	Tấn	22.100	100	7.000			8.000	2.000	5.000
4.2	Kết quả thực hiện									
a	Khai thác gỗ rừng trồng									
	- Diện tích	ha	600,0	141,8	161,3	41,8	115,4	109,0	30,7	-
	- Sản lượng gỗ	m3	61.618,6	12.984,9	14.419,3	3.447,6	20.339,6	8.230,6	2.196,6	-
	<i>Đạt % so với kế hoạch khai thác</i>	%	7,3	7,2	5,6	21,3	9,4	6,5	7,8	-
	Trong đó: + Doanh nghiệp	m3	10.905,9	3.159,1	3.334,4	2.411,5	-	2.001,0	-	-
	+ Cá nhân, hộ gia đình	m3	50.712,6	9.825,8	11.084,9	1.036,1	20.339,6	6.229,7	2.196,6	-
b	Tre, nứa	Tấn	827,9	-	323,9	-	-	504,0	-	-
	<i>Đạt % so với kế hoạch khai thác</i>	%	3,7	-	4,6			6,3	-	-
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 03/2016/NQ-HĐND NGÀY 13/7/2016 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH										
A	KIÊN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG									

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Trong đó						
				Sơn Dương	Yên Sơn	T.phố T.Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình
I	Kế hoạch giao năm 2016	m	48.430	13.000	10.840	13.000	3.600	3.000	3.250	1.740
1	Tiến độ cung ứng cấu kiện kênh BT đúc sẵn lũy kế (quy ra mét)	m	47.402,0	12.367,0	10.840,0	12.574,0	3.604,0	3.014,0	3.260,0	1.743,0
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	97,9	95,1	100,0	96,7	100,1	100,5	100,3	100,2
2	Tiến độ thi công lắp ghép kênh lũy kế	m	28.266,0	4.501,0	7.656,0	6.136,0	3.403,0	3.014,0	1.813,0	1.743,0
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	58,4	34,6	70,6	47,2	94,5	100,5	55,8	100,2
B	BÊ TÔNG HÓA ĐƯỜNG GIAO THÔNG									
I	Kế hoạch giao năm 2016	km	68,61	16,0	11,5	2,8	20,0	15,0	1,3	2,0
1	Tiến độ cung ứng xi măng	tấn	13.642	3.730,8	2.012,0		3.797,4	3.337,0	293,0	472,2
2	Tiến độ cung ứng ống cống	cái	711	95,0	24,0		241,0	297,0	38,0	16,0
3	Đã thi công hoàn thành	km	66,57	16,07	9,41		20,00	17,54	1,55	2,00
	<i>Đạt % so với kế hoạch</i>	%	97,0	100,5	81,8	-	100,0	116,9	119,2	100,0
C	XÂY DỰNG NHÀ VĂN HÓA									
I	Kế hoạch giao năm 2016	Nhà	122	50	16	13	10	7	16	10
1	Hỗ trợ tiền mặt	Nhà	8	-	1	7	-	-	-	-
2	Hỗ trợ cấu kiện	Nhà	114	50	15	6	10	7	16	10
3	Tiến độ cung ứng cấu kiện	Nhà	8	-	-	-	1	1	4	2